TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 20-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải.

Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 841/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở số B, đường N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Trần Duy T. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch-Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh B-Phòng G (Vắng mặt).

(Theo Quyết định 3525/2023/QĐ-PC ngày 25-12-2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

- *Người được ủy quyền lại*: Bà Hoàng Thị O. Chức vụ: chuyên viên kiểm soát rủi ro – Ngân hàng S – Chi nhánh B – Phòng G (Có mặt).

Địa chỉ số H, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Theo Giấy ủy quyền số 04/2025/GUQ – PGDTTam ngày 19/02/2025)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ số A, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị O trình bày: Ngày 06/5/2019, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Xuân T1 ký

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 71/2019/TTD-PGDT.Tam, theo đó, ông T1 được sử dụng 01 thẻ tín dụng số 472074-8046, số tài khoản thẻ là 3837176274, loại thẻ VISA. Theo thỏa thuận hạn mức thẻ là 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng), lãi suất áp dụng là 33.2%/năm và được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau; lãi quá hạn bằng 150% của lãi trong hạn; Mục đích vay tiền là tiêu dùng cá nhân. Ông T1 được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Ngoài ra, ông T1 còn phải chịu các khoản phí khác theo thỏa thuận.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển vào thẻ của ông T1 tổng số tiền là 155.166.261đồng và ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 130.470.567đồng.

Mặc dù, đã được ngân hàng thông báo nhắc nhở nhiều lần về việc trả nợ nhưng ông T1 không thực hiện nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ của 02 thẻ sang nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn, cụ thể:

Sau đó, ông T1 không thực hiện việc thanh toán trả nợ 03 kỳ liên tục, mặc dù, đã được Ngân hàng thông báo nhắc nhở nhiều lần về việc trả nợ nhưng ông T1 không thực hiện nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ vào ngày 23/02/2024 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang quá hạn tại thời điểm này là 17.335.372 đồng nợ gốc và áp dụng lãi quá hạn là 150% của lãi suất được công bố.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 24.695.642đồng, trong đó, nợ gốc là 17.335.462đồng; nợ lãi tạm tính từ ngày 23-02-2024 đến ngày 25/12/2024 là 307 ngày (với lãi suất trong hạn là 2,767%/tháng; lãi quá hạn là 4,150%/tháng) là 7.360.325đồng. Đồng thời, ông T1 còn phải thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 26-12-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Nguyễn Xuân T1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

3. Tại phiên tòa: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận tính đến thời điểm ngày 25/12/2024, ông T1 còn nợ ngân hàng với tổng số tiền là 24.695.642đồng trong đó, nợ gốc là 17.335.462đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 25/12/2024 là 7.360.325đồng nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T1 phải trả tổng số tiền trên và lãi, phí phát sinh từ ngày 26/12/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo thoả thuận tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác

4. Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 06/5/2019, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Xuân T1 ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân. Nay xảy ra tranh chấp, Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Tại thời điểm ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 71/2019/TTD-PGDT.Tam, ông T1 cung cấp địa chỉ là số A, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác, vắng mặt trong suốt quá trình xét xử nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường nơi địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng và xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc: Mặc dù hàng tháng Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng quá 03 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) liên tiếp ông T1 vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/02/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 17.335.372đồng của ông T1 tại thời điểm này sang nợ quá hạn. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc nào là vi phạm Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ và vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 17.335.372đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu trả nợ lãi: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi trong hạn 33,2%/năm bằng là 2,767%/tháng; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại là 4,150%/tháng (Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Từ thời điểm ngày 23/02/2024 đến ngày 25/12/2024 là 307 ngày, ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ lãi quá hạn nào nên ông T1 còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là:

{7.335.372đồng x (2,767%/tháng x 150%/tháng)}:30 ngày x 307 ngày = 7.360.325đồng.

Từ phân tích [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên nguyên đơn đã chuyển nợ sang nợ gốc và

tính lãi quá hạn đúng thời gian vi phạm, đúng các thoả thuận theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã cam kết và phù hợp với Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 24.695.642đồng trong đó, nợ gốc là 17.335.462đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 23/02/2024 đến ngày 25/12/2024 là 7.360.325đồng. Tính từ ngày 26/12/2024, bị đơn còn phải trả tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Nguyễn Xuân T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 24.695.642đồng (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, sáu trăm bốn hai đồng) trong đó, nợ gốc là 17.335.462đồng (Mười bảy triệu, ba trăm ba mươi lăm ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng); nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 23/02/2024 đến ngày 25/12/2024 là 7.360.325đồng (Bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng).

Tính từ ngày 26/12/2024, bị đơn còn phải trả tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Xuân T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.234.782đồng (Một triệu, hai trăm ba mươi bốn ngàn, bảy trăm tám mươi hai đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 500.000đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004644 ngày 15/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thế Dũng